TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2018
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long
2. Ông Nguyễn Ngọc Giang

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Lê Thị Thủy Tiên, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc Tranh chấp ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Cao Thị B, sinh năm 1982
Trú tại: ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

Bị đơn: ông Lê Văn T, sinh năm 1980
Trú tại: ấp T, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Cao Thị B trình bày: bà và ông Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 2003, ông bà có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà và ông T có được một người con chung tên Cao Ngọc Tr (nữ) sinh ngày 20/11/2005. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T không chăm lo cho gia đình, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi, còn có những lời lẽ đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của bà. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T, được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông bà không nợ chung. Đối với tài sản chung là số tiền 150.000.000 đồng theo hợp

đồng mua bán, nay việc mua bán không thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Cao Thị B và ông Lê Văn T xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 27/02/2018 bà B yêu cầu ly hôn với ông T. Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án ly hôn, nuôi con để giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T không đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/6/2018, ngày 25/6/2018 nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 11/7/2018, ngày 01/8/2018 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai, vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Theo lời bà B trình bày, bà và ông T có nhiều bất hòa trong cuộc sống, bà không thể tiếp tục chung sống nên bỏ về nhà cha mẹ ruột, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét hôn nhân của ông T, bà B phát sinh mâu thuẫn nhưng đôi bên không thể hàn gắn, tiếp tục chung sống, ông T cũng không thể hiện thiện chí hóa giải mâu thuẫn nên yêu cầu ly hôn của bà B là có cơ sở. Do bà B và ông T không có đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, không công nhận quan hệ giữa ông T và bà B là vợ chồng.

[3] Về con chung, bà B và ông T có 01 người con chung là Cao Ngọc Tr (nữ) sinh ngày 20/11/2005 đang sống với mẹ, bà B có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, phù hợp với nguyện vọng của cháu Trúc. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà B. Về vấn đề cấp dưỡng do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, đồng thời chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53,

Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Cao Thị B và ông Lê Văn T là vợ chồng.

- *Về con chung:* giao cháu Cao Ngọc Tr (nữ) sinh ngày 20/11/2005 cho bà Cao Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Văn T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà B nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 005284 ngày 11/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. P;
- CC THADS H. P;
- Lưu HS (2b).